TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Khóa Hư Lục trong mạch Thiền Trúc Lâm (P.1)

ISSN: 2734-9195 08:25 14/04/2026

Khóa hư lục không chỉ là một tác phẩm văn học có giá trị tu tập, giá trị lịch sử mà còn là một di sản văn hóa vô cùng quý báu của dân tộc Việt Nam; giúp phát huy lòng tự tôn dân tộc, hướng dẫn mọi người gầy dựng một tinh thần sống lạc quan, tốt đẹp

LỜI PHI LỘ

Con đường Phật đạo dài xa, xa tít tận đâu đâu. Về với con đường này cũng phải đủ sự chuẩn bị chịu đựng dài lâu xa tít như vậy.

Năm xưa Đồng Tử Thiện Tài tham học Phật đạo, được thầy chỉ dạy là phải đi, đi mãi đường xa, xa lắm. Với bước đi bền vững và đi mãi không tính thời gian, không màng kiếp số vô lượng vô biên không tính kể. Đã thế, lại phải chấp nhận sự gian lao cũng không phải là ít là nhiều. Thế thì, người đi chuẩn bị gì đây? Nói thế nghĩa là sao? Một sự mặc cả chứ gì. Quả thực, một con đường, một sự việc không đầu không đuôi chi cả. Rốt sau *"Tâm không cập đệ quy".*

Khởi đầu con đường sinh tử này, có lẽ Đồng Tử Thiện Tài bật khóc khi diện kiến Tỳ-kheo Đức Vân. Để rồi, cho thấy mọi thứ chỉ là nhân duyên. Thế thôi!

Lắng sâu nhận rõ chỉ là vô thức chan chứa tình người, cô đơn mọi thứ, lắng yên tất cả.

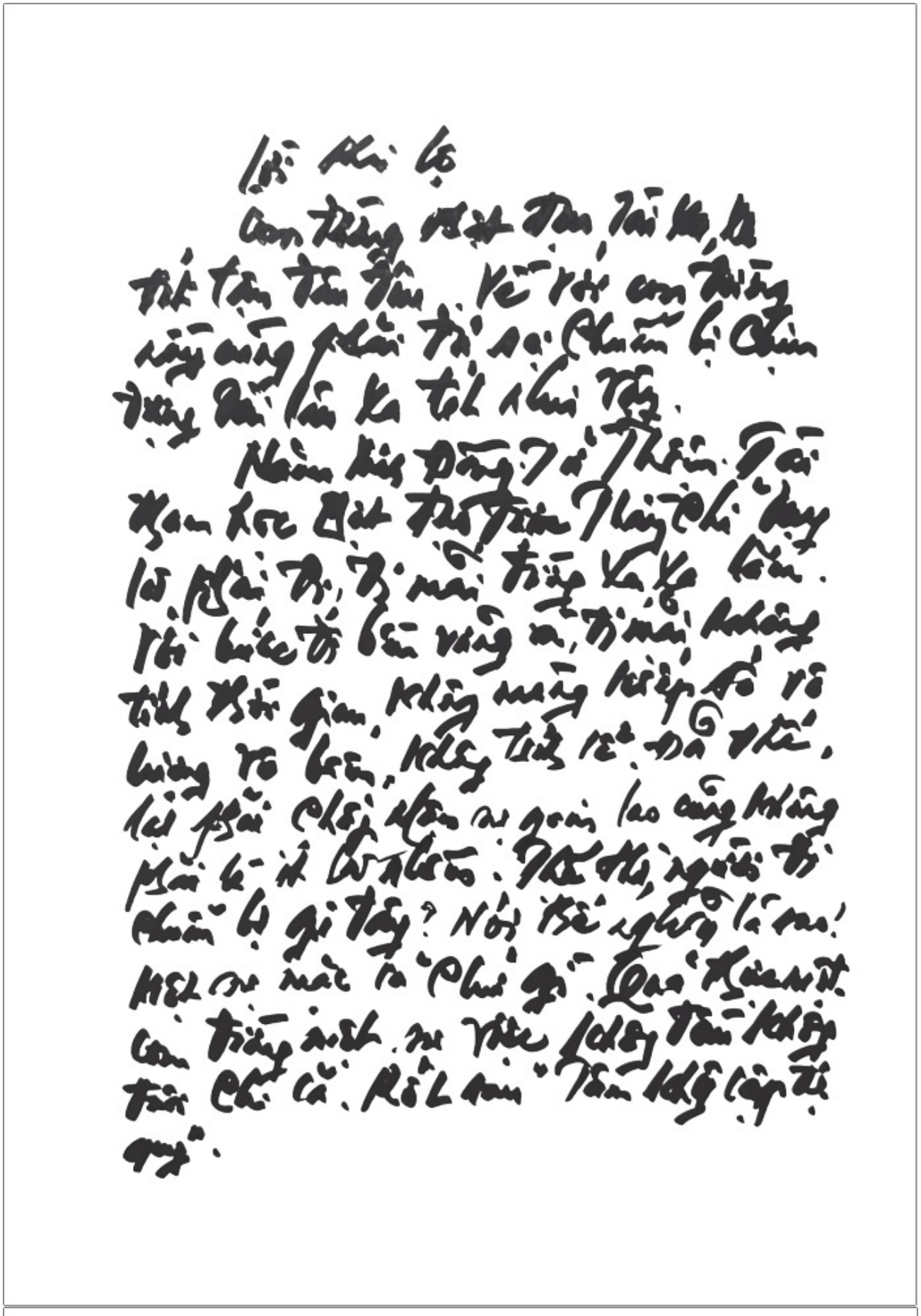
Ngoảnh nhìn phía sau, đoàn người nhấp nhô, trào dâng chất ngất. Ấy đấy, không ngoảnh lại. Chỉ tiến bước! Bước đến cùng. Vươn mãi thẳng bước, tiến đến cùng. Thế thôi!

Ta là gì? Một con ngựa già gặm cỏ khô trên phố thị. Nói gì đây, khi tất cả chỉ là *"Gió mát trăng thanh".*

Mong rằng, hãy cùng nhau từ sáng tiến tới chỗ sáng – mọi tăm tối dứt bặt. Thênh thang đi!

Thường Chiếu

Hòa thượng Thích Nhật Quang



LỜI GIỚI THIỆU

Đạo Phật là đạo giác ngộ, diệu lực tâm giác này cho hành giả tự tại giải thoát. Bản tâm ấy sẵn đủ nơi mỗi người, không giới hạn bởi bất kỳ hình thức nào. Nếu công phu tương ưng thì tại gia hay xuất gia đều có phần và có quyền giác ngộ bình đẳng như nhau không khác. Thời đức Thế Tôn tại thế đã thị hiện cho người sau tin biết việc này. Chư vị Tôn giả đại diện hạnh xuất gia chứng đắc Thánh đạo, ngài Duy Ma Cật thị hiện dưới hình thức tại gia thấu triệt đạo mầu.

Giá trị thật này một lần nữa được hiện rõ dưới thời chư vị Tổ sư. Ở Trung Hoa có ông Bàng Long Uẩn, tú tài Trương Chuyết... Tại Việt Nam phải kể đến như ngài Tuệ Trung Thượng sĩ, vua Trần Thái Tông... Quý ngài học Phật, tu Phật, dưới lời khai thị Tổ sư, bất chợt hay ra của báu nơi mình sẵn đủ, tự tại, tiêu sái, mặc tình thọ dụng.

Trần Thái Tông, một bậc minh quân, vừa là một Thiền gia đạt ngộ tâm thiền. Tựa kinh Kim Cang tam muội còn ghi rõ: *"Trẫm thường đọc kinh Kim Cang, một hôm đọc đến câu 'ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm', buông kinh xuống chiêm nghiệm, bỗng hoát nhiên tự ngộ".*

Bằng trí tánh đã ngộ và sự tận tâm tận lực, ngài đã có nhiều đóng góp cho Phật giáo nói chung và Thiền tông Việt Nam nói riêng. Cụ thể, ngài đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó phải kể đến tập Khóa hư lục. Cốt lõi nội dung tập sách như là nền móng cho sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên tử sau này.

Hòa thượng Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam hiện nay nói: *"Vua Trần Thái Tông là một ông vua có tài, cầm quân đánh giặc, trị nước trị dân, tu hành thấu đáo. Ngài làm vua, nhưng không mê say cung phi mỹ nữ mà nghiền ngẫm kinh điển, lo việc tu hành. Rất hiếm thấy. Đó là nét kỳ đặc của ông vua đầu đời Trần".*

Nhờ đạt ngộ Thiền tủy, ngài có lực lượng của một bậc tác gia: *"Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Bước bước đạp đến đất thật, đầu đầu đều đội hư không".* Nhất cử nhất động luôn hằng một tâm tánh sáng ngời như vậy, tất cả toàn bày, việc việc không phải việc khác. Đến đây, diệu lực, cơ dụng bất khả tư nghì: *"Khi dùng thì muôn cảnh toàn bày, buông đi thì mảy bụi chẳng lập. Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ quỉ thần nhìn chẳng thấy"*. Nói là khi dùng, lúc buông, nhưng kỳ thực chỉ là sức tự tại như co duỗi cánh tay mà không hề tác ý. Vì thế, không chút tướng trạng hay nghĩ nghì trong đó. Sức sống này vừa là cơ dụng tùy thời khai thị học nhơn, vừa tự vượt thoát một cách tự tại mọi việc trong sanh tử, cả đến trước ngưỡng cửa sống chết.

Tất cả những giá trị trên đã được ngài nói rõ trong tác phẩm Khóa hư lục. Có thể thấy, đây là tác phẩm thể hiện rõ nanh vuốt nhà Thiền cũng như cốt lõi đạo lý ngài muốn truyền trao cho hậu thế. Và đây cũng chính là trọng tâm cốt lõi của tập sách: *"Khóa hư lục trong mạch Thiền Trúc Lâm".* Chúng tôi xin được giới thiệu đến chư pháp hữu gần xa đang một lòng cùng chung chí hướng học Phật, tu Thiền, góp phần huy chấn Thiền tông Việt Nam do Hòa thượng Tôn sư tiếp nối, khôi phục.

Bộn bề công việc, gánh vác trọng trách của bậc quân vương, nhưng vua Trần Thái Tông đã khéo léo tu tập, sáng tâm, đóng góp nhiều lợi ích lớn lao cho đạo, cho đời; đến lúc mãn duyên ra đi tự tại. Đây là minh chứng hùng hồn cho những ai chưa đủ sức tin nơi đạo lý chân thật. Chí đã quyết, tâm đã kiên định thì dù ở dưới hình thức nào cũng có thể sáng đạo. Cuộc đời ngài là một bài pháp sống động cho hành giả đầy đủ tự tin bước vào lối tắt Tổ sư.

Thiền viện Thường Chiếu,

ngày Rằm Trung Thu, năm Ất Tỵ - 2025

Ban Quản trị Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam

LỜI TRI ÂN

Nam Mô Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni!

Nhân duyên hội đủ, chúng con được Thầy cho phép tham gia khóa học tại Học viện Phật giáo Việt Nam Tp.HCM. Đến nay, khóa học viên mãn, chúng con xin được kính trình lên tác phẩm đầu tay, được biên tập lại từ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ của mình.

Nhân duyên này, chúng con xin một lòng thành kính, ngưỡng vọng tri ân trên Sư ông Trúc Lâm - Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam; thành kính tri ân trên Thầy - Hòa thượng thượng Nhật hạ Quang, trụ trì Tổ đình Thiền viện Thường Chiếu, người đã bảo bọc, dạy dỗ, hướng dẫn Phật pháp, tạo điều kiện tốt nhất cho chúng con được tu, được học; giúp chúng con nhận chân được nguồn sáng nơi tự tâm.

Chúng con xin được bày tỏ tấm lòng tôn kính và tri ân đến Đức Đại lão Hòa thượng Viện trưởng Học viện PGVN tại Tp. HCM. Chúng con xin niệm ân chư Tôn đức Hội đồng Điều hành, Hội đồng khoa học, Phòng sau Đại học, quý thầy giáo thọ đã tạo nhiều thuận duyên để chúng con được học tập và nghiên cứu.

Chúng con thành kính tri ân đến TT.TS. Thích Đồng Thành, người đã dành nhiều thời gian, tâm sức để hướng dẫn, giúp đỡ chúng con hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Cuối lời, chúng con xin tri ân quý thầy Trường Thiền đã hướng dẫn Phật pháp, giúp chúng con vững tin tiến bước; cảm ơn các quý thầy, chư huynh đệ pháp lữ đồng tu, quý thiện hữu tri thức, quý Phật tử gần xa đã hộ trì và tạo thuận duyên để tập sách này ra đời.

Có bao nhiêu công đức, chúng con nguyện hồi hướng cho Phật pháp trường lưu, mọi loài đều được thấm nhuần mưa pháp, được hết khổ an vui.

Kính dâng

Thiền sinh Thiền viện Thường Chiếu

Thích Đạt Ma Thiền Tuệ Thanh

LỜI TỰA

Vua Trần Thái Tông, người khai triều lập quốc cho cả một thời đại huy hoàng của dân tộc Đại Việt, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống tư tưởng Phật giáo mang bản sắc dân tộc, xứng đáng là ngọn đuốc lớn cho nền thiền học Việt Nam. Gắn liền với sự nghiệp trước tác của ngài là tác phẩm Khóa hư lục, được lưu hành rộng rãi cho đến nay. Tác phẩm này đã được rất nhiều hành giả tu thiền ứng dụng tu tập; đông đảo học giả để tâm nghiên cứu, phiên dịch, chú thích, khai thác các tư tưởng, quan điểm cũng như phương pháp tu hành được trình bày trong tác phẩm.

Trong phạm vi tập sách này, chúng tôi khai thác các vấn đề sau:

Chương I, khái quát bối cảnh xã hội thời Trần, khi Đại Việt trải qua cuộc kháng chiến chống Nguyên

Mông và chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ về văn hóa, tư tưởng Phật giáo. Trình bày cuộc đời, sự nghiệp của vua Trần Thái Tông và giới thiệu sơ nét tác phẩm Khóa hư lục.

Chương II, đi sâu phân tích các tư tưởng triết lý của vua Trần Thái Tông. Ngài nhấn mạnh quan điểm Phật tại tâm, vô sở trụ, tinh thần bình đẳng, nhập thế vô nhiễm; nêu lên phương pháp tu hành để đạt đến giác ngộ giải thoát trong hiện đời. Một trong những đặc điểm nổi bật của vua Trần Thái Tông trong vấn đề tu và học, là khéo léo kết hợp việc tu thiền và học giáo lý một cách hài hòa. Đây

chính là cơ sở để Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm (giai đoạn cuối thế kỷ XX) vận dụng, làm sống dậy tinh thần thiền giáo đồng hành: học kinh để chứng minh cho việc tu thiền, tu thiền để sáng tỏ lời Phật dạy trong kinh.

Các phương pháp hành trì như sám hối nghiệp chướng và thiền định được trình bày kỹ lưỡng, khuyến khích tinh thần tự lực, tự giác, tự giải thoát từ chính bản tâm mỗi người, không quá phụ thuộc vào tha lực hay hình thức bên ngoài. Bên cạnh đó, vua Trần Thái Tông còn nêu lên pháp tu niệm Phật như một sự tùy cơ, tùy duyên phương tiện, hầu mong những người hữu duyên ứng dụng tu hành được lợi lạc, an vui trong hiện tại và mai sau.

Chương III, trình bày giá trị thực tiễn của Khóa hư lục, từ việc hướng dẫn tăng ni thời kỳ cực thịnh của môn phong Trúc Lâm, trải qua các thời kỳ; cho đến giai đoạn hiện nay, được Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm kế thừa, đưa vào giảng dạy, truyền bá rộng rãi cho các thế hệ tăng ni, Phật tử ứng dụng tu hành. Đồng thời, làm rõ tính nhất quán, xuyên suốt trong việc tiếp nối, phục hưng dòng Thiền Trúc Lâm thông qua việc kế thừa các tư tưởng nổi bật trong Khóa hư lục: Phật tại tâm, thiền giáo đồng hành, phương pháp hành trì, tông chỉ phản quan tự kỷ,...

Tập sách này phần nào giúp cho độc giả, những người nghiên cứu Thiền tông Việt Nam hiểu rõ hơn về tư tưởng thiền học nổi bật trong tác phẩm Khóa hư lục; đồng thời, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong việc giảng dạy, nghiên cứu về tư tưởng Phật giáo nói chung, triết lý thiền và phương pháp hành trì trong tác phẩm Khóa hư lục nói riêng; góp phần bảo tồn di sản tư tưởng Phật giáo dân tộc, giúp chuyển hóa khổ đau, giải quyết vấn đề tâm lý xã hội hiện đại, giảm căng thẳng, lo âu, nâng cao tinh thần dân tộc, xây dựng đời sống an vui, trí tuệ; giúp cho mọi người phần nào nhận thức được lẽ thật của kiếp người và cuộc đời, thế giới, vũ trụ vạn vật; từ đó thiết lập nếp sống đạo đức, hướng đến Niết-bàn, giải thoát.

Trường Thiền Trúc Lâm Việt Nam,

Ngày 07 tháng 07 năm 2025

Thích Đạt Ma Thiền Tuệ Thanh

MỞ ĐẦU

Phật giáo dưới triều đại nhà Trần phát triển rất hưng thịnh. Triết lý về vô thường, vô ngã, duyên khởi, từ bi, trí tuệ, giải thoát,... đã đi vào trong đời sống sinh hoạt của người dân Đại Việt. Ca dao, tục ngữ, vè, thi phú,... đều mang âm

hưởng giáo lý Phật-đà. Trong thời kỳ này, có rất nhiều tác phẩm văn học Phật giáo ra đời, vừa thể hiện thẩm mỹ văn học nghệ thuật, lại toát lên chất liệu đạo lý thâm huyền của nhà Phật. Hầu hết, các vị vua đời Trần đều lưu lại cho đời nhiều tác phẩm văn học có giá trị: Khóa hư lục, Thiền tông chỉ nam, Kim Cang tam muội chú giải (Trần Thái Tông), Thiền tông liễu ngộ, Trần Thánh Tông thi tập (Trần Thánh Tông), Tăng-già toái sự, Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca, Cư trần lạc đạo phú (Trần Nhân Tông), Thuỷ vân tùy bút (Trần Anh Tông),... Trong đó, tác phẩm Khóa hư lục của Hoàng đế Trần Thái Tông là một trong những tác phẩm đặc biệt, đánh dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp văn học Phật giáo cho cả triều đại nhà Trần sau này. Đây là tác phẩm vừa có giá trị về mặt nghệ thuật văn học, đồng thời cũng chứa đựng một kho tàng tri thức Phật học; là kết tinh cả cuộc đời học pháp, hành pháp và ngộ pháp của ông.

Tác phẩm Khóa hư lục mang đậm nét tư tưởng thiền học đặc trưng thời Trần, đặt nền móng cho sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử sau này. Theo thời gian, chắc hẳn những tư tưởng thiền đó đã len lỏi, ngấm sâu trong tâm thức của người dân Đại Việt. Và nghiễm nhiên, những tư tưởng thiền học ấy trở thành những tư tưởng triết lý thấm nhuần trong lòng người dân Việt. Trong phạm vi tập sách này, chúng tôi sẽ tìm hiểu, triển khai một góc nhìn mới về tác phẩm Khóa hư lục; cụ thể là những triết lý, tư tưởng thiền học trong tác phẩm được thể hiện qua ba phương diện: nhân sinh quan, vũ trụ quan, giải thoát quan. Bên cạnh đó, nêu lên giá trị thực tiễn của Khóa hư lục trong đời sống Thiền phái Trúc Lâm; trình bày những quan điểm về việc kiến tạo một xã hội an hòa, lấy đức trị dân, xây dựng cõi Phật giữa chốn nhân gian, giúp nhân dân có được cuộc sống lạc quan, hạnh phúc. Đây là điều mà hầu hết các nhà lãnh đạo tinh thần của đất nước đều mong muốn thực hiện.

Về tính ứng dụng của Khóa hư lục, lịch sử đã chứng minh, Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông đã ứng dụng Khoa nghi Sáu thời sám hối trong tác phẩm Khóa hư lục vào thời khóa tu tập thường ngày; cho đến ngày nay, nội dung Khoa nghi sáu thời sám hối được Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm - Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm hiện nay, phương tiện, uyển chuyển thay đổi thành Sám hối sáu căn, áp dụng vào thời khóa tu tụng hằng ngày cho chư tăng ni và tín đồ Phật tử; phù hợp căn cơ, thích ứng với bối cảnh xã hội hiện thời mà vẫn giữ được trọn vẹn nội dung cốt tủy của Khoa nghi Sáu thời sám hối.

Về mặt ý nghĩa thực tiễn, Khóa hư lục như một bản đồ hướng hành giả đi đến đích giác ngộ. Tác phẩm cung cấp cho hành giả phương pháp thực hành, cùng với những tri thức, kinh nghiệm mà vua Trần Thái Tông đúc kết được trong suốt quá trình tu tập. Bất kỳ ai ứng dụng hành trì đều sẽ đạt được nhiều lợi lạc, vượt qua phiền não, khổ đau trong đời sống, tiến đến giác ngộ. Bên cạnh đó, vua

Trần Thái Tông còn là một tấm gương sáng về tài, trí và đức trong việc trị quốc an dân; có thể vượt lên trên những danh lợi, quyền lực để tìm kiếm chân lý, sống với lý tưởng Bồ-tát: Lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Những câu chuyện, những bài thơ mà vua Trần Thái Tông còn lưu lại trong Khóa hư lục, chứa đựng triết lý nhân sinh, bài học về cuộc sống, tình yêu thương và lòng nhân ái, có khả năng kích hoạt nguồn cảm hứng để mọi người có lối sống lạc quan, tích cực, có ý nghĩa hơn.

Liên quan đến tác phẩm Khóa hư lục, đã có rất nhiều tác giả, dịch giả trứ danh ra công nghiên cứu. Trước hết, có thể kể đến công trình Thái Tôn Hoàng đế ngự chế Khóa hư kinh do Thiều Chửu dịch và diễn nghĩa, Nxb. Hưng Long, Sài Gòn, 1961, được Thư viện Huệ Quang ảnh ấn năm 2016. Tập sách dày gần 300 trang, chia làm hai phần: phần đầu, nguyên văn chữ Hán và phiên âm nội dung tác phẩm Khóa hư lục; phần sau lấy tên Khóa hư diễn nghĩa, chia làm ba quyển: thượng – trung – hạ. Đây là một trong những bản dịch có từ rất sớm, có thể vì tư liệu liên quan đến Khóa hư lục lúc này chưa có nhiều, nên tác giả có nhận định khá chủ quan khi xác quyết rằng, Khóa hư lục là do vua Trần Nhân Tông trước tác.

Tập sách Khóa hư lục giảng giải của Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm(1) ra đời từ năm 1996, được nhà xuất bản Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh tái bản năm 2008. Trong lời mở đầu, Hòa thượng đã nói rõ, nương chú giải các bản dịch Khóa hư lục của các tác giả Thiều Chửu, Đào Duy Anh, Nguyễn Đăng Thục, Hòa thượng Thanh Kiểm,... giúp Hòa thượng dễ dàng trong việc tiếp cận, soạn dịch và giảng giải tập sách này. Hòa thượng là người có tâm huyết với Phật giáo Việt Nam, đặc biệt quan tâm đến thiền học thời Trần. Bằng chính công phu tu hành và sự chứng nghiệm, Hòa thượng triển khai nội dung tác phẩm Khóa hư lục trên phương diện nội hàm tu tập; giảng giải tác phẩm này một cách chi tiết, giải mã các thuật ngữ, thiền cơ mà vua Trần Thái Tông dùng để khai thị học nhân. Hòa thượng chỉ giảng nói bằng công phu thực tiễn của một hành giả, mục đích để người nghe hiểu và áp dụng vào đời sống tu tập sao cho có kết quả, không đi sâu phân tích theo hướng nghiên cứu của học giả. Là người đi sau, được kế thừa tinh hoa trí tuệ từ các bậc tôn túc, bằng một số phương pháp nghiên cứu, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày một cách rõ ràng theo từng nhóm các tư tưởng, triết lý thiền, phương pháp hành trì mà vua Trần Thái Tông có đề cập trong tác phẩm Khóa hư lục.



Chương 1

BỐI CẢNH XÃ HỘI THỜI TRẦN VÀ TÁC PHẨM KHOÁ HƯ LỤC

Vương triều nhà Trần được dựng lập bởi vua Trần Thái Tông, một con người có nhiều tài năng và phẩm hạnh cao quý. Thời Trần không chỉ nổi bật bởi những chiến công giữ nước, mà còn là thời kỳ Phật giáo đóng vai trò then chốt trong đời sống tinh thần và chính sự quốc gia. Thêm vào đó, sự ra đời của tác phẩm Khóa hư lục đã mở ra một nền tư tưởng Phật học đặc trưng cho Phật giáo thời Trần, định hình tư tưởng cho nền thiền học Trúc Lâm về sau.

1.1. BỐI CẢNH XÃ HỘI ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN

1.1.1. Về mặt chính trị - xã hội

Cuối thế kỷ thứ XII, tình hình chính trị nhà Lý ngày một suy yếu, vấn đề mâu thuẫn nội bộ triều đình thêm nhiều, quân xâm lược phía Bắc thường rình rập. Trong khi đó, chính quyền nhà nước không quan tâm, chăm lo đời sống sinh hoạt của người dân, khiến cho dân chúng rơi vào tình cảnh khổ sở, cơ cực. Sau khi vua Lý Cao Tông mất (1176 - 1210), năm 1210, Lý Huệ Tông lên ngôi hoàng đế, cai trị nước Đại Việt được 14 năm, nhưng vì bệnh nặng, lại không có con trai để truyền ngôi, ông phải nhường ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng. Khi ấy, Chiêu Hoàng chỉ mới 7 tuổi đã phải thay cha quản việc nước, lo cho đời sống của bá tánh. Thử hỏi, cô bé 7 tuổi có thể làm được gì trong vai trò là một vị vua? Đây cũng là một trong những nhược điểm để cho những người có tư tưởng lớn về chính trị như Trần Thủ Độ lưu tâm. Vậy nên, Trần Thủ Độ đã dàn xếp cuộc hôn nhân giữa Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh. Vốn dĩ, Trần Cảnh lên ngôi không phải do ý muốn quyền lực cá nhân, mà là hệ quả của những toan tính và sắp đặt từ Trần Thủ Độ. Tuy nhiên, sự thiên tài và đức độ của vua Trần Thái Tông về sau đã chứng minh rằng: dù khởi đầu thiếu chủ động nhưng ngài đủ trí tuệ để lèo lái đất đước, cải cách toàn diện từ chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao đến văn hóa, xã hội… đưa đất nước thoát khỏi cảnh binh đao, giữ vững nền độc lập, chủ quyền dân tộc, cải thiện đời sống nhân dân.

Trần Thái Tông là vị vua khởi đầu cho một triều đại hiển hách, là bậc minh quân kỳ tài, được lịch sử ghi nhận:

“… Hôm khác, Cảnh bưng chậu nước đứng hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt, thì lấy tay vốc nước vảy vào mặt Cảnh mà đùa cười. Đến khi Cảnh bưng khăn cau thì bà lấy khăn ném cho Cảnh. Cảnh không dám nói gì, lén đem kể với Trần Thủ Độ. Thủ Độ nói: ‘Thật có như thế thì làm vua cả họ ư? Chết cả họ ư?’. Lại một hôm, Chiêu Hoàng lại đem khăn cau ném cho Cảnh. Cảnh vái nói: ‘Bệ hạ tha tội cho thần không? Thần xin vâng mệnh’. Chiêu Hoàng cười nói: “Tha cho ngươi, nay ngươi đã có trí rồi”. Cảnh lại đem báo với Thủ Độ. Thủ Độ sợ việc tiết lộ thì sẽ bị giết chết. Do thế, bèn tự đem gia thuộc thân thích vào trong thành. Thủ Độ đóng cửa thành và các cửa cung, sai người chốt giữ. Bá quan tiến triều không cho vào. Thủ Độ tuyên bố: ‘Bệ hạ đã có chồng rồi’. Quần thần đều nói: ‘Vâng, xin chọn ngày để triều kiến’”(2).

Rõ ràng, đoạn sử trên cho ta thêm thông tin xác quyết, Trần Thủ Độ là nhân vật quan trọng quyết định việc lên ngôi của Trần Cảnh. Chúng ta cũng dễ dàng nhận ra một lẽ thật, việc Trần Cảnh lên ngôi chỉ là một nước đi trong ván cờ quyền bính, thỏa mãn tham vọng, mưu toan quyền lực chính trị của người khác, trong khi bản thân Trần Cảnh không chủ động tham gia vào quyết định lên ngôi

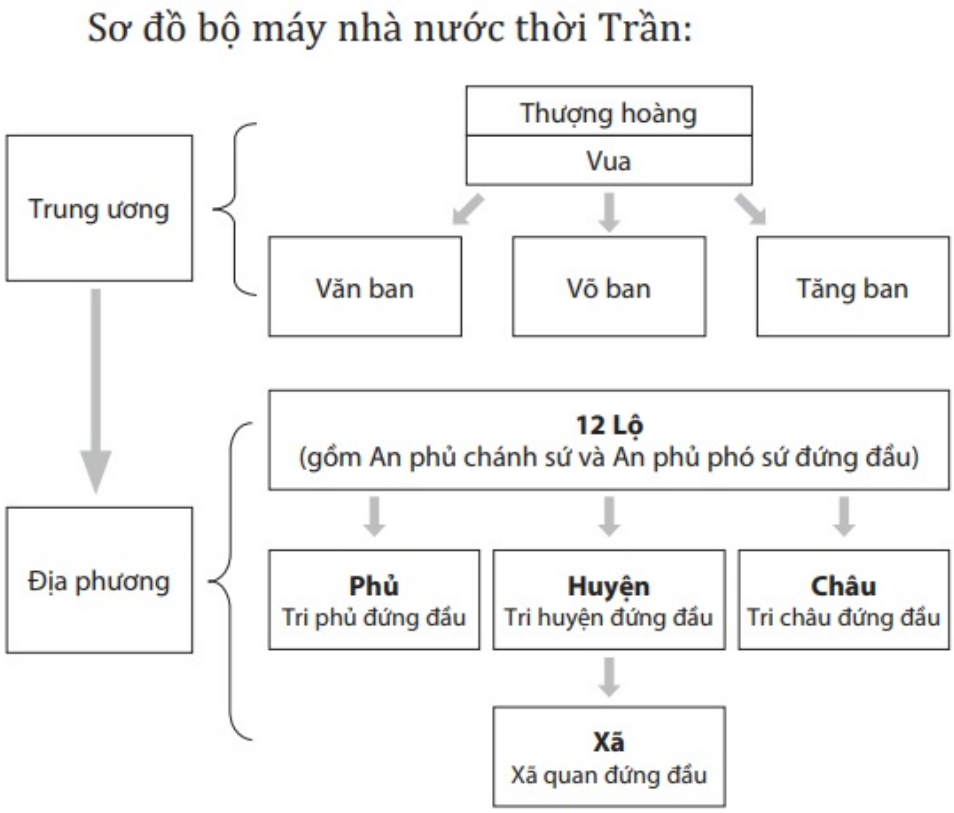
ấy. Tuy nhiên như thế, cũng có thể nói là nhân duyên sắp đặt, nhờ đó mà nước Đại Việt có được một vị vua anh minh, tài tuấn, một nhà lãnh đạo thiên tài của đất nước, vị anh hùng của dân tộc. Sự tài tuấn, anh minh của ngài được thể hiện rõ nét qua sự kiện đêm mùng 3 tháng 4 năm Bính Thân (1236):

"Vua Trần Thái Tông đã chính thức đứng ra nắm lấy quyền điều khiển đất nước. Nhà vua ban hành một loạt các biện pháp chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao và văn hóa xã hội, nhằm nâng cao tiềm lực chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của dân tộc... ngày 17 tháng giêng năm 1258, cuộc đọ sức giữa đế quốc Nguyên - Mông và quân dân Đại Việt chính thức bắt đầu. Và cuối cùng thắng lợi đã thuộc về nhân dân Đại Việt dưới sự lãnh đạo thiên tài của vua Trần Thái Tông"(3).

Sau khi lên ngôi trị vì, vua Trần Thái Tông đã nhiệt thành phù trì đất nước thái bình thịnh trị, giúp cho người dân có được đời sống ấm no, an lành. Triều Trần tồn tại 175 năm, trải qua 12 đời vua. Vị vua đầu tiên dựng lập triều đại nhà Trần là vua Trần Thái Tông sinh năm 1218, lên ngôi năm 1225, thoái vị vào năm 1258, mất năm 1277; kế đến là vua Trần Thánh Tông, ngài sinh năm 1240, kế thừa ngai vàng vào năm 1258, nhường ngôi vào năm 1278 và mất vào năm 1290; rồi lần lượt đến các đời vua như: vua Trần Nhân Tông (1258-1308), vua Trần Anh Tông (1276-1320), vua Trần Minh Tông (1300-1357), vua Trần Hiến Tông (1319-1341), vua Trần Dụ Tông (1336-1369), vua Trần Nghệ Tông (1321-1395), vua Trần Duệ Tông (1337-1377), vua Trần Phế Đế (1361- 1388), vua Trần Thuận Tông (1377-1400), vua Trần Thiếu Đế (1396-1400). Trong khoảng thời gian nhà Trần trị vì đất nước, quốc gia Đại Việt trở nên hùng mạnh, đời sống nhân dân an bình thịnh vượng; vang danh cùng năm châu với chiến công hiển hách đi vào lịch sử, ba lần đánh thắng quân Nguyên – Mông, đội quân hùng mạnh khiến nhiều quốc gia phải kinh hãi.

Về tổ chức chính quyền, ngoài việc chia lại các đơn vị hành chính, đổi 24 lộ (thời nhà Lý) thành 12 lộ (năm 1242); nhà Trần còn thiết lập thêm các An phủ Chánh sứ và An phủ Phó sứ đứng đầu cấp chính quyền địa phương, trông coi về pháp luật, hành chính. Đơn vị hành chính cấp cơ sở là Xã, có Xã quan đứng đầu. Bên cạnh đó, triều Trần còn đặt thêm nhiều chức quan, một số cơ quan chuyên trách mới như: Thái y viện, Tôn chính phủ, Tam ty viện, Thẩm hình viện, Quốc sử viện,... nhiều cơ quan được đặt ra thành hệ thống riêng gọi là quán, sảnh, cục, đài, viện. Bộ máy chính quyền thời Trần về cơ bản vẫn giữ nguyên như triều đại nhà Lý, được chia làm ba ban: Văn ban, Võ ban, Tăng ban. Và tất nhiên, người nắm quyền lãnh đạo đất nước là vua, trên vua còn có sự hiện diện của Thái thượng hoàng. Sách Mô hình tổ chức nhà nước ở Việt Nam thế kỷ X-XIX chép: *"... về danh nghĩa, Thái thượng hoàng không trực tiếp điều hành chính sự,*

nhưng quyền hành lại rất lớn. Thái thượng hoàng không chỉ có quyền chỉ định người kế vị mà khi cần có thể truất bỏ ngôi vua"(4).



Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước

Năm 1230, vua Trần Thái Tông cho hoàn thành hai bộ sách lớn là Quốc triều Thông chế và Quốc triều Thông lễ. Việc làm này không ngoài mục đích: ổn định triều chính, đem lại lợi ích cho người dân Đại Việt, đồng thời góp phần giữ gìn trật tự xã hội, củng cố hệ thống pháp luật, giúp ích cho việc quản lý dân sự, hành chính và quân sự.

Ta thấy, bộ máy nhà nước cấp Trung ương thời Trần gồm ba ban chính: Văn ban, Võ ban và Tăng ban. Văn ban gồm những người học rộng, am hiểu về đạo lý, văn hóa, có khả năng giúp triều đình điều hành đất nước. Võ ban gồm những người có thể là tướng quân, quan võ hoặc các chỉ huy quân sự, có công trong việc tổ chức quân đội, bảo vệ biên giới, chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập, duy trì trật tự, an ninh cho đất nước. Tăng ban là một hệ thống chức vụ được triều đình nhà Trần ưu ái dành riêng cho các vị tăng sĩ trong Phật giáo, có khả năng phù trì cho đất nước. Sự có mặt của Tăng ban là một trong nhiều yếu tố quan trọng đối với việc lãnh đạo nhân dân và cai trị đất nước thời Trần. Điều này không chỉ thể hiện sự trọng vọng của triều đình đối với các nhà tu hành mà còn nói lên tinh thần biết trọng dụng nhân tài, biết lắng nghe và tôn trọng tiếng nói của các nhà sư, cụ thể là Quốc sư (thầy của vua), góp phần ích nước lợi dân.

Các tăng sĩ trong Tăng ban có trách nhiệm cố vấn cho triều đình, coi sóc các hoạt động trong đời sống tâm linh của dân chúng. Nói đến đời sống tâm linh, nó luôn là vấn đề cấp thiết, có vị thế quan trọng đến độ từ vua quan đến thứ dân, không một ai dám lơ là. Vậy nên, Tăng ban còn được xem là cơ quan chịu trách nhiệm truyền giảng kinh sách, nhân cách đạo đức, quản lý các hoạt động của Phật giáo, chủ trì các nghi thức, nghi lễ cúng bái, cầu quốc thái dân an.

Các vua Trần đặt lệ nhường ngôi sớm cho con và tự xưng là Thái thượng hoàng, cùng trông nom việc nước. Nói một cách nôm na là có sự tồn tại của vua cha và vua con. Tuy không tham gia chính sự, mọi quyền hành đều giao cho vua con, nhưng ở vị trí Thái thượng hoàng, vua cha vẫn có quyền phế truất vua con, lập thái tử mới nếu vua con không có đủ năng lực hay không thực hiện đúng chính sách mà vua cha đã uỷ thác. Điển hình, khi Trần Thánh Tông ở ngôi vị Thái thượng hoàng, quân Nguyên – Mông hai lần sang xâm lược nước ta (năm 1285 và năm 1287), Thượng hoàng Thánh Tông cùng với con là vua Trần Nhân Tông đã cùng nhau lãnh đạo, hợp sức toàn quân, toàn dân tộc đánh đuổi quân xâm lăng, giữ vững độc lập cho dân tộc Đại Việt. Một sự việc khác, Trần Anh Tông lên ngôi vua nhưng thích rượu chè và đi vi hành. Một ngày nọ, Thượng hoàng Nhân Tông từ hành cung Thiên Trường trở về kinh thành, gặp lúc Trần Anh Tông rượu say đến trưa vẫn chưa tỉnh. Thượng hoàng bèn quay về Thiên Trường, hạ chiếu cho các quan ngày mai phải vào triều nghe chỉ. Tỉnh dậy, Trần Anh Tông vội vã cùng một người học trò là Đoàn Như Hài cấp tốc đến phủ Thiên Trường dâng biểu tạ tội. Thượng hoàng Nhân Tông dạy rằng: *"Trẫm còn có con khác cũng có thể nối ngôi được. Trẫm còn sống mà người còn dám như thế. Huống chi sau này?"*(5). Từ đó, Trần Anh Tông trở nên minh mẫn hơn, chừa bỏ rượu chè, không còn say xỉn, về sau còn kính tổ Pháp Loa làm thầy, tu học Phật pháp có chỗ khế ngộ.

Qua đây cho thấy, Phật giáo có sự gắn kết chặt chẽ với chính quyền cùng các quyết sách của nhà lãnh đạo thời Trần. Các vị vua Trần đều là những người tin hiểu Phật pháp, lấy tư tưởng từ bi, khoan hòa để cai trị đất nước.

1.1.2. Về mặt văn hóa

Phật giáo du nhập vào nước ta từ rất sớm(6). Vì vậy, tư tưởng Phật học đã ăn sâu vào tâm thức của người dân Việt. Đến thời Trần, Phật giáo đã trở thành cốt tuỷ và hòa nhập với nền văn hóa dân tộc như nước với sữa. Sở dĩ dân gian thường nói *"Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt",* do vì vua quan, vương công, quý tộc nhà Trần cùng nhau xây dựng nhiều ngôi chùa có quy mô lớn, trùng tu các ngôi cổ tự, mỗi làng phải có ít nhất một ngôi chùa để dân chúng chiêm bái, thờ cúng.

Có thể nói, số lượng công trình kiến trúc chùa tháp thời Trần rất nhiều, bên cạnh việc kế thừa từ những thành tựu kiến lập ở thời Lý, nhà Trần còn cho xây cất thêm nhiều công trình mới. Cụ thể, vào năm 1248, vua Trần Thái Tông cho xây cầu Lâm Ba. Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép: *"Mùa hạ, tháng 4, làm cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngoạn Thiềm đến quán Thái Thanh cung Cảnh Linh, rất là lộng lẫy"*(7). Năm 1249, chùa Diên Hựu được nhà vua cho tu sửa trở nên trang nghiêm; chùa Quỳnh Lâm được hình thành từ thời vua Lý Thần Tông (1116 – 1138), người khởi công xây dựng là Thiền sư Lý Minh Không(8); cho đến thời Trần, nơi này vẫn là một ngôi tự viện nổi tiếng. Năm 1293, vua Trần Nhân Tông đã từng nghỉ chân ở Chùa Lân (còn gọi là Long Động Tự) trước khi lên Yên Tử tu hành. Sau này, trong thời gian hóa đạo, Sơ tổ Trúc Lâm đã cho tu bổ chùa Lân thành Viện Kỳ Lân, trở thành một nơi khang trang đồ sộ, thích hợp cho Phật sự giảng đạo, độ tăng. Sách Lịch sử Phật giáo Việt Nam (Viện Triết học) chép:

"Nhiều chùa tháp đã được xây dựng trong thời Pháp Loa. Bản thân ông, tính đến năm 1329, đã xây dựng hai khu chùa lớn là Báo Ân và Quỳnh Lâm, năm ngọn tháp và hai trăm tăng đường. Riêng ở chùa Báo Ân (Siêu Loại), năm 1314, ông đã cho xây 33 cơ sở, gồm điện Phật, gác chứa Kinh và tăng đường. Ông còn xây dựng các am như Hồ Thiên, Chân Lạc, An Mã, Vĩnh Khê, Hạc Lai và mở rộng các khu chùa Thanh Mai và Côn Sơn"(9).

Nhắc đến chùa Quỳnh Lâm, đây là một cơ sở có quy mô lớn, được ngài Pháp Loa trùng tu, mở rộng quy mô vào năm 1316. Nơi đây có thể được xem như một trung tâm Phật giáo, một trường Đại học Phật giáo của Giáo hội Trúc Lâm. Theo Nguyễn Lang ghi trong Việt Nam Phật giáo sử luận: *"Tính đến năm 1329, số tăng sĩ được xuất gia trong những giới đàn do giáo hội Trúc Lâm tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị"*(10).

Ngoài ra, còn có chùa Muống (còn gọi là Quang Khánh tự), được Thiền sư Tuệ Nhẫn (1257-1325), hiệu Quán Viên xây dựng vào thời vua Trần Thái Tông, là trung tâm Phật giáo lớn của tỉnh Hải Dương. Theo bài "Quang Khánh thiền tự - Từ tự sự Tôn giáo" trong Tạp chí Khoa học, cho biết: *"Đến triều Nguyễn, chùa có trên 120 gian, hàng trăm pho tượng cổ và bia ký có giá trị. Chùa được quy hoạch trên khuôn viên 15.000 m2,..."*(11). Về sau, để ca ngợi sự phát triển rộng lớn của Phật giáo thời Trần, dân gian hay nói: Cổng chùa Lân, sân chùa Muống, ruộng chùa Quỳnh.

Thời đại nhà Trần, những nhà lãnh đạo đất nước cũng chính là những tín đồ thuần thành của Phật giáo. Cụ thể, các vua quan thời Trần đều thấm nhuần giáo lý Phật-đà, điển hình như vua Trần Thái Tông nhận sự chỉ dạy trực tiếp từ

Quốc sư Phù Vân, vua Trần Thánh Tông thừa hưởng tinh ba Phật giáo từ vua cha là Trần Thái Tông và sư huynh Tuệ Trung Thượng sĩ, vua Trần Nhân Tông tỏ ngộ yếu chỉ Thiền tông từ Tuệ Trung Thượng sĩ, Trần Anh Tông tỏ sáng Phật tâm từ sự khai thị của tổ Pháp Loa,... Các ngài đã khéo léo đưa Phật pháp phổ cập đến người dân Đại Việt, đặc biệt là lý nhân quả, khuyên tu thập thiện, giữ ngũ giới. Nhờ đó mà các ngài thành tựu trong việc trị quốc an dân.

Một điểm son sáng ngời của Phật giáo thời Trần chính là sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Sách Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục giảng giải chép: *"Một hôm, tôi (tức Thái tử Trần Khâm) xin hỏi ngài về bổn phận tông chỉ, Thượng sĩ đáp: 'Soi sáng lại chính mình là phận sự gốc, chẳng từ nơi khác mà được' (Phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc). Nghe xong, tôi thông suốt được đường vào, bèn vén áo thờ ngài làm Thầy"*(12). Sau khi nhận được yếu chỉ tu hành từ câu nói *"phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc"* của Tuệ Trung Thượng sĩ, vua Trần Nhân Tông sắp đặt việc nước cho con là Trần Anh Tông, vào núi Yên Tử xuất gia tu hành sáng đạo, lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu-đà. Bằng sự chứng ngộ tự tâm, bằng trí tuệ vô sư ngài đã dung hợp ba dòng thiền hiện thời: dòng thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi, dòng thiền Vô Ngôn Thông và thiền phái Thảo Đường, sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, một dòng thiền mang đậm bản sắc dân tộc Việt. Yếu tố đưa đến thành công, tạo nên nét đặc trưng riêng cho Phật giáo thời Trần chính là tinh thần trực chỉ, tùy duyên, hòa quang đồng trần, hòa mà không tan, nhập thế mà siêu thoát, đồng hành cùng sự thịnh suy của dân tộc.

Về mảng trước tác, hầu hết các vua Trần, thiền sư thời Trần đều để lại cho đời nhiều trước tác thi kệ, các bài luận có giá trị cả về nghệ thuật lẫn giá trị tu hành. Trong tác phẩm Thiền uyển tập anh còn lưu lại nhiều bài thi kệ của các vua đời Trần, ngoài ra còn rải rác trong tập sách Thiền sư Việt Nam, Tam tổ Trúc Lâm giảng giải do Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm dịch sang tiếng Việt và giảng giải. Xin nêu lên một vài thi kệ điển hình. Trước hết là bài Phóng cuồng ngâm của Tuệ Trung Thượng sĩ:

"Trời đất liếc trông chừ sao thênh thang,

Chống gậy rong chơi chừ phương ngoại phương.

Hoặc cao cao chừ mây đỉnh núi,

Hoặc sâu sâu chừ nước trùng dương.

Đói thì ăn chừ cơm tùy ý,

Mệt thì ngủ chừ nào có quê hương.

Hứng lên chừ thổi sáo không lỗ,

Chỗ lặng chừ đốt giải thoát hương”(13).

Qua hai khổ thơ đầu, Thượng sĩ đã diễn tả chỗ siêu thoát, tự tại trong công phu tu chứng của mình. Và đâu đó, phảng phất hình ảnh *“đói đến thì ăn, mệt thì ngủ”* trong thi ca của Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông. Một bài thơ khác của Thiền sư Huyền Quang:

“Nửa gian nhà đá lẫn trong mây

Một mảnh áo lông trải tháng ngày

Tăng ở trên giường, kinh tại án

Lò hương tàn lụn, mặt trời lên”(14).

(Bán gian thạch thất hòa vân trụ

Nhất lĩnh thuế y kinh tuế hàn

Tăng tại thiền sàng kinh tại án

Lô tàn cốt đốt nhật tam can).

Chỉ với bốn câu thơ, thiền sư đã họa nên một bức tranh tuyệt đẹp, cảnh một nhà sư ẩn tu nơi thất đá, đêm ngày vui với kinh kệ, thiền định, một bề tu hành quên cả tháng năm. Kế đó, không thể bỏ qua tác phẩm Khóa hư lục của vua Trần Thái Tông, đây là một trong những tác phẩm lớn, có giá trị đối với Thiền phái Trúc Lâm nói riêng và đối với Phật giáo Việt Nam nói chung.

1.2. TRẦN THÁI TÔNG VÀ TÁC PHẨM KHOÁ HƯ LỤC

1.2.1. Cuộc đời và sự nghiệp của vua Trần Thái Tông

1.2.1.1. Tiểu sử vua Trần Thái Tông

Nhắc đến vua Trần Thái Tông, chúng ta có thể khảo sát tiểu sử của ngài qua ba hình ảnh nổi bật: hình ảnh con người hiện thực, con người hướng thượng và con người nhập thế.

a. Con người hiện thực

Vua Trần Thái Tông (1218 – 1277) húy là Trần Cảnh, con trai thứ của Trần Thừa; là một vị vua anh minh, tài tuấn kiệt xuất, văn võ song toàn. Năm 1225, Trần

Cảnh được vua Lý Chiêu Hoàng (vợ của Trần Cảnh) nhường ngôi và tuyên cáo trước thần dân rằng:

"Nay trẫm suy đi tính lại một mình, duy có Trần Cảnh là người văn chất vẹn tuyền, thực là thể cách hiền nhân quân tử, uy nghi chễm chệ, có tư chất thánh thần văn võ, dù đến Hán Cao Tổ, Đường Thái Tôn cũng không hơn được. Sớm tối nghĩ kỹ, xét nghiệm từ lâu, nên nhường ngôi báu, để thuận lòng trời..."(15).

Rõ vậy, sau khi lên ngôi trị vì đất nước, Trần Cảnh lấy hiệu là Trần Thái Tông, lập nên vương triều nhà Trần. Vua hết lòng yêu nước thương dân, lấy ý muốn của dân làm ý muốn của bản thân, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình; đoàn kết toàn dân đánh đuổi giặc xâm lược Nguyên – Mông, giữ yên bờ cõi cho đất nước.

Trong lịch sử huy hoàng của vua Trần Thái Tông, vẫn còn đó vết mực đen không thể phai nhòa. Việc Trần Thủ Độ, người chú ruột của Trần Thái Tông, ép giáng Lý Chiêu Hoàng xuống làm công chúa, lập chị dâu Thuận Thiên (đang mang thai con của Trần Liễu) làm hoàng hậu. Hành động này khiến cho Trần Liễu phẫn uất, nổi loạn. Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép:

"Vua họ Trần, huý là Cảnh, trước huý là Bồ, làm chi hầu chính của triều Lý, được Chiêu Hoàng nhường ngôi cho. Ở ngôi 33 năm, nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi, băng hà ở cung Vạn Thọ, chôn ở Chiêu Lăng. Vua là người khoan nhân đại độ, có lượng đế vương, cho nên có thể mở nghiệp, truyền sau, đặt giềng giăng mối, chế độ nhà Trần tốt đẹp. Song quy hoạch việc nước đều do Thủ Độ làm, mà trong chốn buồng the có nhiều điều hổ thẹn"(16).

Qua đoạn sử trên cho thấy, vương triều nhà Trần thành lập dưới sự cai trị của một vị vua trẻ có đức độ. Thế nhưng, mọi vấn đề chính trị đều cho Trần Thủ Độ điều hướng. Cho đến việc phòng the của vua, Trần Thủ Độ cũng tự mình sắp đặt, khiến cho lịch sử nhà Trần phải chịu một nỗi nhơ đáng thẹn. Tuy nhiên, suy cho cùng, Trần Thủ Độ cũng chỉ vì quốc gia đại sự, vì muốn triều Trần vững mạnh lâu dài, vì muốn có người kế tục ngôi vua để cai trị đất nước nên ông mới làm như vậy. Những sự kiện xảy ra đã khiến cho vua Trần Thái Tông canh cánh nỗi lòng, dằn vặt bất an; nửa đêm trốn hoàng thành, vào núi Yên Tử, tìm đến chỗ Quốc sư Phù Vân cầu xin xuất gia tu hành. Nhưng rồi, ngay hôm sau, Trần Thủ Độ đem quan quân tiến vào núi Yên Tử, quyết đưa vua về kinh cho bằng được: *"... Bệ hạ nếu không nghĩ lại, quần thần chúng tôi cùng thiên hạ sẽ cùng chết cả trong ngày hôm nay, quyết không trở về"*(17). Vua Trần Thái Tông đành quay về, nhưng lòng luôn ghi nhớ lời dạy của Quốc sư Phù Vân: *"Phàm là đấng nhân quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về, bệ hạ không về*

sao được? Tuy nhiên, sự nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng phút nào quên” (18).

Thế rồi, vua Trần Thái Tông trở về kinh thành, vừa làm vua vừa nghiên cứu kinh điển, ứng dụng lời dạy của Quốc sư Phù Vân: *“Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng mà biết, đó là Phật thật”*(19) (Sơn bổn vô Phật, duy tồn hồ tâm. Tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật). Đây cũng chính là nhân duyên chuyển mình từ một bậc đế vương đến pháp vương: hành trình sống động hóa tư tưởng Phật học của vua Trần Thái Tông. Thông qua tiểu sử của ngài, ta dễ dàng nhận thấy, hiếm có vị vua nào trong lịch sử Việt Nam mà kinh nghiệm chính sự trị quốc và kinh nghiệm tâm linh lại gắn bó mật thiết như vậy. Việc ngài rời hoàng cung lên Yên Tử (năm 1236) không đơn thuần là một lần tháo lui vì bất đồng chính trị với Trần Thủ Độ, mà còn là một chuyển hướng quyết liệt trong nội tâm, đánh dấu mốc quan trong cho con đường từ bỏ lối sống danh lợi, uy quyền để trở về với đạo lý nội chứng, giải thoát.

Lịch sử ghi chép những hành động thể hiện cho sự lãnh đạo tài ba của vua Trần Thái Tông: lãnh đạo toàn dân đoàn kết kháng chiến thành công đẩy lùi giặc ngoại xâm Nguyên - Mông, một đội quân hùng mạnh khét tiếng thời bấy giờ. Trong quá trình tham gia chống giặc, vua trực tiếp lãnh đạo, nắm quyền điều khiển đất nước, phân phó công tác phù hợp với năng lực sở trường của các tướng lĩnh. Trên tinh thần dụng nhân như dụng mộc, vua không bỏ sót một con dân nào khi nhận thấy người đó có thể hồi tâm chuyển ý, muốn làm con dân Đại Việt, muốn phụng sự cho đất nước. Sự kiện này được chép lại liên quan đến Cự Đà:

“Nguyên trước vua ban cho tả hữu ăn xoài mà không tới được Cự Đà. Đến khi quân Nguyên tới Đông Bộ Đầu, Cự Đà ngồi thuyền nhẹ trốn đi. Đến Hoàng giang, gặp hoàng thái tử đang ngược dòng tiến lên. Cự Đà cách bờ lánh đi. Thế thuyền rất gấp. Quan quân hô to hỏi: ‘Quân Nguyên ở đâu?’. Cự Đà đáp: ‘Không biết. Các người nên hỏi mấy đứa ăn xoài’”(20).

Hành động của Cự Đà khiến Thái tử Trần Hoảng nổi giận, xin ghép vào tội cực hình để răn đe kẻ khác; nhưng vua Trần Thái Tông vẫn rộng lòng khoan thứ, còn giao cho Cự Đà việc đánh giặc, tạo cơ hội cho hắn lập công chuộc tội. Cho thấy, tầm nhìn của vua Trần Thái Tông thật sâu rộng. Giả như ban hình phạt cho Cự Đà, nỗi ấm ức kia chưa nguôi lại thêm bị chèn tội, thì cái nguồn cơn đưa đến phản quốc là rất có thể. Dù là một tên tiểu tốt, nhưng lòng hiểm độc khi trở thành kẻ nội gián cũng thật khó lường. Vậy nên, với người lãnh đạo như vua Trần Thái Tông, trong thời điểm toàn quân toàn dân đang phải đương đầu với thế lực ngoại bang tàn bạo, thì việc thêm bạn bớt thù là điều phải cân nhắc.

Nhờ vào tài trí lãnh đạo, cách dùng người của vua Trần Thái Tông đã làm nên một sự mở đầu tốt đẹp cho triều đại nhà Trần, một thời đại hòa bình, tự chủ dân tộc.

b. Con người hướng thượng

Hình ảnh con người hướng thượng trong vua Trần Thái Tông được thể hiện qua bốn sự kiện: 1. Trốn hoàng cung, vào núi Yên Tử, tìm đến chỗ Quốc sư Phù Vân cầu xin xuất gia tu hành; 2. Nghe lời khuyên của Quốc sư, vừa làm vua vừa nghiên cứu kinh điển để tu tập; 3. Tỏ ngộ bản tâm khi đọc kinh Kim Cang; 4. Tu tập miên mật, biên soạn Khoa nghi Sáu thời sám hối để tự mình thực hành sám hối, tiêu trừ nghiệp chướng.

Sách Toàn tập Trần Thái Tông chép: *"Phàm là đấng nhân quân thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về thì bệ hạ không về sao được! Duy có việc nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng chút xao lãng mà thôi"*(21). Vua Trần Thái Tông sau khi nghe lời khai thị của Quốc sư Phù Vân, liền y giáo phụng hành. Theo lời thỉnh cầu của Trần Thủ Độ và quần thần mà trở về kinh thành, vừa làm vua để an nước trị dân, vừa nghiên cứu kinh điển để an thân định tâm. Nhờ đó mà ngài Trần Thái Tông đã thấu suốt yếu chỉ tu thiền qua lời dạy của Quốc sư: Phật ở ngay trong tâm, khi tâm thanh tịnh, vắng lặng mọi tạp niệm, thấy biết mà tâm không động đó chính là Phật thật. Cụ thể, nhân khi đọc kinh Kim Cang đến câu *"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"*, ngài liền tỏ ngộ bản tâm. Từ đó, ngài bắt đầu sáng tác, trước thuật các sách như Thiền tông chỉ nam, Kinh Kim Cang tam muội chú giải, Khóa hư lục,...

Tinh thần hướng thượng của vua Trần Thái Tông còn được thể hiện rõ nét qua việc, tự mình soạn ra thời khóa tu tập để sám hối nghiệp chướng từ nhiều đời. Thời khóa một ngày chia ra làm sáu thời, mỗi thời sám hối tội lỗi của mỗi căn (gồm sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Ngài viết: *"Trăn trở suy đi nghĩ lại, xưa tạo nghiệp trọn do sáu căn... Phỏng theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn. Chính trẫm chế nghi văn sám hối này, gọi là 'Khoa nghi sáu thời lễ Phật sám hối"*(22). Để thấy rằng, vua Trần Thái Tông là một người có chí mộ đạo, tin sâu nhân quả; với tâm kiên quyết, dứt khoát, vua lập ra khoa nghi sám hối, mỗi ngày mỗi thời đều sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng đã tạo trong nhiều đời về trước, nguyện không tái phạm trong đời này, hầu mong trên con đường tu tập đi đến quả giác được hanh thông, tốt đẹp.

Qua những phân tích ở trên, cho thấy vua Trần Thái Tông là một nhân chứng sống động cho tinh thần nhập thế giác ngộ, góp phần gợi mở hướng sáng cho người đọc Khóa hư lục - một hành trình tu chứng nội tâm cá nhân. Việc vận

dụng Phật pháp trong chính trị trên nền tảng đạo đức là một bước chuyển hóa sâu sắc từ cá nhân ra cộng đồng. Chi tiết vua Trần Thái Tông tự tay viết ra lời lễ sám, đã cho thấy tâm chí tu hành vòi vọi của ngài, cũng như niềm tin thiết tha vào nhân quả, làm nổi bật hình ảnh một vị vua lấy Phật pháp làm căn bản tu thân trị nước; phác họa chân dung nhà lãnh đạo đất nước khéo an quốc trị dân trên cơ sở đạo đức, luôn phản tỉnh lỗi mình, khiêm hạ và trí tuệ. Đây cũng là một thông điệp lớn cho các thế hệ sau học tập, vận dụng vào thực tiễn thời đại.

c. Con người nhập thế

Có thể nói, Trần Thái Tông, vị vua đầu tiên của triều đại nhà Trần, đã dựng lập vương triều trong một bối cảnh êm thắm, không mang mầm tranh đoạt. Lại là người am hiểu Phật pháp, tự mình ứng dụng tu hành có kết quả; đồng thời, hướng dẫn mọi người xung quanh hữu duyên cũng được phần lợi ích. Chính bằng sở ngộ, bằng tâm thiền giác sáng nơi chính mình, vua Trần Thái Tông đã để lại cho người sau nhiều tác phẩm thiền học có giá trị; bên cạnh đó, ông còn khơi nguồn tư tưởng thiền học đặc trưng, làm nền tảng căn bản cho sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử sau này.

Tinh thần nhập thế vô nhiễm của vua Trần Thái Tông sẽ được phân tích cụ thể ở phần sau (mục 2.3.5), ở đây, chúng tôi chỉ trình bày hình ảnh một ông vua giác ngộ Phật pháp, hướng tâm đến con đường giải thoát, vẫn làm vua, vẫn lãnh đạo quân dân chống giặc ngoại xâm, nhưng cũng không quên việc bổn phận là dạy mọi người cùng tu, cùng hưởng niềm an lạc trong hiện tại. Một loạt các hành động cụ thể như: lãnh đạo quân dân đoàn kết đẩy lùi kế hoạch xâm lược của quân Nguyên – Mông (năm Đinh Tỵ 1257), mở các khoa thi để tuyển nhân sự phục vụ cho công tác chính trị; khi còn tại vị thì cho xây chùa Tư Phúc để thường tới lui hương khói tu hành sau các giờ thiết triều, những khi công việc chính sự đã ổn thỏa; đến khi thoái vị nhường ngôi, ngài cho dựng chùa Phổ Minh để làm nơi sinh hoạt các nghi thức Phật giáo (tọa thiền, sám hối).

Khi còn tại vị, vua Trần Thái Tông từng nói: *"Thế nay lẽ nào trẫm không coi trách nhiệm của tiên thánh là trách nhiệm của mình, giáo lý của đức Phật là giáo lý của mình ư!"*(23). Vậy trách nhiệm của tiên thánh là gì? Phải chăng đang nói về các vị vua tiên triều? Nghĩa là vua Trần Thái Tông một lòng gánh vác giang sơn, đặt để trọng trách quản lý đất nước và chăm sóc người dân chu toàn, đảm bảo hòa bình, độc lập, bình đẳng cho mọi người. Bởi các vua trước đã có công dựng nước, mở mang bờ cõi; nay ngài là người kế tục lãnh đạo toàn dân phải lấy trách nhiệm người trước làm bổn phận của mình. Muốn an quốc trị dân tốt phải biết vận dụng giáo lý của đức Phật vào chính sự. Về điểm này, Lê Mạnh Thát có lời nhận định: *"Việc người Phật giáo như vua Lý Thánh Tông và vua Trần*

Thái Tông chấp nhận Nho giáo như một môn học chính quy của một nền giáo dục do nhà nước Phật giáo bảo trợ bây giờ trở thành hết sức hiển nhiên"(24). Ngầm ý cho rằng, vua Trần Thái Tông tiếp nhận trách nhiệm của tiên thánh (vua Lý Thánh Tông) là việc dùng Nho giáo như công cụ để làm chính trị và truyền bá Phật giáo. Thiết nghĩ, Phật giáo vốn tự có vị trí đứng trong lòng dân tộc, trong tâm của người lãnh đạo đất nước. Nhà cầm quyền là một tín đồ Phật giáo, người dân ắt sẽ tin phục, cần gì phải mượn tôn giáo khác làm bước đệm cho Phật giáo. Có chăng, đó chỉ là tấm lòng từ bi, bao dung, tổng hợp dung hòa các tôn giáo hiện tồn trong đất nước. Không quá đề cao cũng không tẩy chay một tư tưởng tôn giáo nào trong xã hội, đó là chỗ trí tuệ của người lãnh đạo đất nước. Bởi khi có sự phân biệt kỳ thị, hẳn nhiên sẽ sinh ra những đấu tranh nội quốc đòi bình đẳng, tự do tín ngưỡng của người dân, từ đó có ra các cuộc nội chiến, xung đột tôn giáo khiến cho nhà nước rối ren, dân tộc bất hòa.

Qua cuộc đời và sự nghiệp tu hành của vua Trần Thái Tông, có thể nhận thấy sự xuất hiện của một thiền vương - thiền giả dưới hình thức đế vương, giữ cương vị hành chính, hóa đạo qua chính trị nhưng vẫn thể hiện được lý tưởng vô ngã, sống và làm lợi ích cho dân, đúng nghĩa phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật.

1.2.1.2. Những đóng góp của vua Trần Thái Tông cho thiền học Trúc Lâm

Trần Thái Tông là một ông vua Phật tử, tỏ ngộ lý thiền; lại thêm phần tư chất thông sáng, văn tư lỗi lạc nên trong khoảng thời gian trị vì, ngài đã để lại cho đời nhiều trước tác, trước thuật rất có giá trị đối với nền văn học Phật giáo nước nhà nói chung và cho nền thiền học Trúc Lâm nói riêng: Khóa hư lục, Thiền tông chỉ nam, kinh Kim Cang tam muội chú giải, Thi tập,... Đồng thời, những tác phẩm mà vua Trần Thái Tông để lại là tiền đề tư tưởng để hình thành nên Thiền phái Trúc Lâm về sau. Một số tư tưởng nổi bật như: Phật tại tâm, thiền giáo đồng hành, tinh thần trực chỉ, tinh thần nhập thế vô nhiễm,... cho đến phương pháp sám hối theo Khoa nghi Sáu thời sám hối đã được Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông ứng dụng và phát huy mạnh mẽ; cho đến ngày nay, Khoa nghi Sáu thời sám hối đã được Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm chuyển thành Sám hối Sáu căn, áp dụng trong thời khóa tu tập hàng ngày tại các thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm.

Điểm sáng chung cho một thời kỳ rực rỡ của Phật giáo triều đại nhà Trần, đó là các vị vua đều là những người am tường Phật học, tỏ ngộ lý thiền, tu hành có sở đắc. Các vị đều làm vua một nước, đều ứng dụng Phật pháp, đặc biệt là thiền, vào trong đời sống hằng ngày, cho nên ít nhiều sẽ có sự kế thừa, tiếp nối. Ở nơi vua Trần Thái Tông, ngài lập thành tông chỉ Phật ở ngay trong lòng, đặt nền

móng tư tưởng cho sự hình thành tông chỉ phản quan tự kỷ, trực ngộ bản tâm của Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông. Tiếp đó là tư tưởng thiền giáo đồng hành, vua Trần Thái Tông nói: *"...những khi được rảnh rỗi, Trẫm tập hợp các vị kỳ đức để tham cứu thiền, hỏi đạo và các kinh Đại thừa... đều nghiên cứu qua"*(26). Đến thời kỳ Sơ tổ Trúc Lâm, sau khi ngộ thiền nơi Tuệ Trung Thượng sĩ, vào núi Yên Tử tu hành sáng đạo, ngài bắt đầu vân du giáo hóa, cho mở các hội giảng kinh, ngữ lục để hóa độ mọi căn cơ. Thêm nữa, yếu tố phôi thai để hình thành tư tưởng *"cư trần lạc đạo"* của Sơ tổ Trúc Lâm, có lẽ ít nhiều cũng đã thấm nhuần tư tưởng của vua Trần Thái Tông: trong núi không có Phật, Phật ở trong lòng, vừa làm vua vừa nghiên cứu kinh điển, lấy tâm thiên hạ làm tâm của chính mình. Tuy nhiên, xét đến chỗ rốt ráo, những ai tu hành sáng đạo, ngộ tâm, thực hành công hạnh Bồ-tát thì đều tự khế hợp yếu chỉ, nhất quán trong hành động. Bởi lẽ, chính bằng trí lực, định lực, tâm Phật sáng suốt dẫn đường, ứng ra những việc làm cụ thể thiết thực, phù hợp với đạo giác ngộ, tương khế trong diệu chỉ: phản quan tự kỷ, Phật tại tâm, ở đời vui đạo làm lợi ích cho quần sinh; không có một bậc thiền sư, Bồ-tát đại thừa nào là không giảng kinh thuyết pháp, hướng chúng sinh đến chỗ ngộ tâm, giải thoát.

Nhìn lại, vua Trần Thái Tông đã tạo điều kiện thuận lợi cho Phật giáo phát triển. Ngài cho xây dựng nhiều ngôi chùa tháp, tạo thuận duyên cho các tăng ni tu hành. Vận dụng tư tưởng thiền học, giáo lý Phật-đà vào trong việc trị quốc an dân; đồng thời, các trước tác, trước thuật mà ngài để lại là cả một kho tàng tri thức Phật học vô giá, mang đậm bản sắc tư tưởng của Phật giáo Việt Nam, tạo tiền đề cho các vị sau này tiếp bước phát huy.

1.2.2. Giới thiệu tác phẩm Khóa hư lục

Như đã biết, Khoá hư lục(27) vốn không phải là một tác phẩm hoàn chỉnh, mà là tập hợp các bài viết do vua Trần Thái Tông biên soạn trong suốt thời gian vừa làm vua, vừa tu tập thiền. Từ sự trải nghiệm về nỗi thống khổ của cuộc đời, của thân tứ đại, của sự chấp trước vào quyền lực, danh vọng; từ chỗ ngộ, kinh nghiệm và kết quả của quá trình tu tập, ông vua Phật tử đã viết nên nhiều bài minh, bài luận, văn khuyến tu có giá trị về mặt hành trì lẫn văn học nghệ thuật. Minh chứng cho điều này, nhà nghiên cứu sử học Lê Mạnh Thát viết: *"Tác phẩm 'Khóa hư lục' của vua Trần Thái Tông được dịch nhiều lần như thế chứng tỏ nó không những có tính tư tưởng mà còn có tính văn học, tức khả năng tạo cho người đọc những cảm thụ nghệ thuật cao"*(28).

Nói đến Khóa hư lục, đã có nhiều dịch giả giải thích hai chữ "Khóa hư". Điển hình, dịch giả Thiều Chửu giải nghĩa như sau:

“Cứ theo nghĩa đen, thì Khóa là bài học, Hư là rỗng không, nhưng cái ý nghĩa sâu xa thì tức là một bài học dạy cho ta phải để tâm khiêm nhường thiếu thốn, tự biết mình còn mang tội lỗi xấu xa, còn ngu si mê muội, phải ép mình mà tu tỉnh mà sám hối nhẫn nhục tinh tiến, mới thâu thái được cái hay của thánh hiền vào mình, hòng cho tẩy sạch lòng trần, tới bậc giác ngộ. Nếu ta cứ tự cho ta là thông minh tài giỏi, là thánh thần khôn khéo thì đọc sách này cũng vẫn ở đầu lưỡi mà thôi. Ấy đại khái ý nghĩa hai chữ ‘Khóa hư’ là thế...”(29).

Trong Việt Nam Phật giáo sử luận, tác giả Nguyễn Lang chiết tự “Khóa hư” như sau:

*“Chữ ‘Khóa’ (trong “Khóa hư”) có nghĩa là sự hành trì học tập. Chữ ‘hư’ có nghĩa là thái độ không cố chấp vào hình thức giáo điều. Nhu yếu của Khóa là sự siêng năng thực tập thiền học không để cho thời gian luống qua; nhu yếu của hư là thái độ phá chấp tự do không kẹt vào khái niệm và hình thức. Hai nhu yếu tổng hợp lại thành tinh thần thực tiễn và khai phóng cho đạo Phật: Thực hiện một cách tinh tiến đạo lý giác ngộ trong tinh thần phá chấp tự do và vô niệm”(*30).

Nêu lên quan điểm về hai chữ “Khóa hư”, chúng tôi xin được cung cấp thêm một cách nhìn mới theo một chiều không gian mới. Nói đến “Hư”, nghĩa huyễn hóa, không thật cũng được dùng rất phổ biến trong các kinh luận; “Khóa” ngoài cách dịch là bài học, môn học; theo Hán Ngữ đại Từ điển (汉语大词典), nghĩa thứ 21 (用同“ 嗑 ”)(31), dùng đồng nghĩa với chữ “Hạp”, nghĩa là “lời nói”. Vậy nên, trường hợp này, thiết nghĩ từ “Khóa” cũng có thể được dùng với nghĩa “lời dạy”. Từ “Lục” là một danh từ, nghĩa là sách vở, sổ ghi chép.

Cụm từ “Khóa hư lục” được xác định là một ngữ danh từ chính phụ. Trong đó, “Khóa hư” là cụm chủ vị làm định ngữ cho danh từ “Lục”(32). Lại nữa, đức Phật từng nói: *“Trong suốt 49 năm trụ thế, Ta chưa từng nói một lời”*(33). Cũng đồng với nghĩa ấy, vua Trần Thái Tông giảng dạy Phật pháp, viết sách, làm kệ... nhưng với ngài, tất cả đều là hư huyễn. Dù lời dạy trong Khóa hư lục là thẳng tắt, là cơ thiền trực chỉ để mọi người cùng nhận ra tự tánh Phật, nhưng với ngài nó cũng chỉ là phương tiện, không thật. Vì vậy, chúng ta có thể dịch “Khóa hư lục” theo một góc nhìn mới: Sách ghi chép những lời dạy như huyễn.

Luận thêm cho ý trên, tư tưởng vô sở trụ là một trong những tư tưởng thiền nổi bật của vua Trần Thái Tông. Được biết, ngài đã thể nghiệm cảnh giới vô sở trụ trong một lần đọc kinh Kim Cang (sẽ được phân tích cụ thể ở mục 2.3.2. Vô sở trụ). Đã vô sở trụ, thì những gì ngài chỉ dạy, giảng nói, ghi chép cũng là như huyễn, không bám chấp. Thêm nữa, lúc sắp mất, vua Trần Thái Tông đem việc nước giao lại cho vua Thánh Tông. Vua Trần Thánh Tông ngỏ ý muốn mời hai vị Quốc sư Phù Vân và Quốc sư Đại Đăng đến khai thị. Vua Trần Thái Tông liền nói:

“Đến trong đây, bớt một mảy tơ dường trên thịt khoét thương, thêm một mảy tơ như trong mắt để bụi. Ba đời chư Phật bốn mắt nhìn nhau, sáu đời Tổ sư thối thân có phần. Dù Phù Vân nói huyền, Đại Đăng thuyết diệu đều là lời thừa, có ích gì đối với cái này?”(34). Cho thấy, vua Trần Thái Tông đã diễn bày sức tự tại trước bệnh tật và cái chết, tư tưởng vượt thoát đối với sự huyễn hóa của vạn pháp. Dù là Phật pháp, lời huyền lý diệu của các bậc thiền sư, nhưng đối với vua Trần Thái Tông đều là dư thừa, như trên thịt khoét thương, trong mắt để bụi. Thế nên, đối với ngài, những gì ghi chép trong Khóa hư lục cũng là như huyễn mà thôi.

Về nội dung Khóa hư lục, dựa theo truyền bản tại chùa An Ninh, được Tổng hội Phật giáo Bắc Kỳ và Học viện Viễn Đông Bác Cổ tại Hà Nội cho in lại trong Việt Nam Phật điển tùng san năm 1943, sau được Thư viện Huệ Quang ảnh ấn vào năm 2018, nội dung tác phẩm gồm: 1. Tứ sơn kệ, 2. Phổ thuyết sắc thân, 3. Khuyến phát tâm văn, 4. Giới sát sinh văn, 5. Giới thâu đạo, 6. Giới sắc văn, 7. Giới vọng ngữ văn, 8. Giới tửu văn. 9. Giới định tuệ luận, 10. Thụ giới luận, 11. Niệm Phật luận, 12. Tọa thiền luận, 13. Tuệ giáo giám luận, Thiền tông chỉ nam tự, 15. Kim Cang tam muội kinh tự, 16. Lục thời sám hối khoa nghi tự, 17. Bình đẳng lễ sám văn tự, 18. Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ, 19. Ngữ lục vấn đáp môn hạ, 20. Niêm tụng kệ.

Để giới thiệu một cách tổng quan nội dung tác phẩm, chúng tôi tạm chia thành 4 phần:

1. Văn khuyến tu

2. Văn khuyên giữ giới

3. Các bài tựa

4. Khai thị học nhân Cụ thể:

Phần 1: Văn khuyến tu, gồm các bài: Tứ sơn kệ, Phổ thuyết sắc thân, Khuyến phát tâm văn, Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ, Giới định tuệ luận, Thụ giới luận, Niệm Phật luận, Tọa thiền luận, Tuệ giáo giám luận. Vua Trần Thái Tông nêu lên cái khổ của thân tứ đại, năm uẩn; khổ hơn là quên đi cái chân thật sẵn có để rồi lang thang khổ sở, luân hồi sinh tử. Trong bài Nói rộng sắc thân, ngài nói: *“Bởi do niệm khởi duyên hội, năm uẩn hợp thành, thể mạo vọng sanh, hình dung giả có. Quên thật quên gốc, hiện giả hiện dối, hoặc nữ hoặc nam, hoặc đẹp hoặc xấu. Trọn là buông tâm chạy đi, toàn không một bước trở về, chạy rong trên đường sanh tử, mất tuốt Bản lai diện mục”*(35). Tiếp đó, ngài chỉ ra cách thức để nhảy qua vòng lửa sinh tử, khuyên mọi người nên nỗ lực tu tập:

“cần phải sớm gấp hồi quan chuyển thân nhảy khỏi vòng sanh tử, khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân. Dù là nam hay nữ thảy đều tu được; dẫu rằng trí hay ngu trọn đều có phần. Nếu chưa đạt được Phật tâm, Tổ ý hãy trước nương trì giới tụng kinh”(36).

Phần 2: Văn khuyên giữ giới. Vua Trần Thái Tông khuyên người giữ giới tu hành để thoát khổ; nêu lên nhân-quả rõ ràng trong việc trì-phạm, nhấn mạnh tầm quan trọng của năm giới, khuyến tấn cho hàng cư sĩ tại gia thọ trì, tu hành hướng đến con đường thiện lành, xa hơn là hướng thượng, giác ngộ, giải thoát. Gồm các bài: Giới sát sinh văn, Giới thâu đạo, Giới sắc văn, Giới vọng ngữ văn, Giới tửu văn.

Phần 3: Các bài tựa, gồm các bài: Kim Cang tam muội kinh tự, Thiền tông chỉ nam tự, Lục thời sám hối khoa nghi tự, Bình đẳng lễ sám văn tự. Từ sau khi tỏ ngộ diệu chỉ Phật tại tâm nơi Quốc sư Phù Vân, vua Trần Thái Tông để tâm đến thiền, ứng dụng tu hành có kết quả, từ đó viết nên các tác phẩm: Kinh Kim Cang Tam muội chú giải, Thiền tông chỉ nam, Lục thời sám hối khoa nghi, Bình đẳng lễ sám văn; nhưng đến nay các tác phẩm này chỉ còn lời tựa, duy có Lục thời sám hối khoa nghi là đầy đủ từ phần lời tựa cho đến nội dung sáu thời sám hối, được biên tập lại trong Khóa hư lục.

Phần 4: Khai thị học nhân, gồm 2 mục: Ngữ lục vấn đáp môn hạ, Niêm tụng kệ. Nội dung Ngữ lục vấn đáp nói về giai thoại vấn đáp giữa vị tăng Đức Thành và vua Trần Thái Tông, mỗi mỗi đều được vua Trần Thái Tông giải đáp rõ ràng, thẳng tắt, không kẹt hai bên; cùng với các bài Niêm tụng kệ do ngài Trần Thái Tông biên soạn; gồm 43 bài, mỗi bài chia làm ba phần: Cử (擧), Niêm (拈) và Tụng (誦). Trong tác phẩm Khóa hư lục giảng giải, Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm giải thích ba khái niệm này như sau: *“Cử là đề ra hay nêu lên một câu chuyện hoặc một câu trong kinh để giải thích. Niêm là rút gọn hay tóm tắt để nói rõ ý nghĩa của vấn đề. Tụng là giải bày thành một bài kệ bốn câu”*(37). Mục đích, giúp cho hành giả lợi căn có thể ngay nơi lời nói mà phát minh đại sự; người chưa thể đốn nhập, chí ít cũng có thể hiểu rõ hơn áo nghĩa thiền tông qua các bài Tụng.

Khóa hư lục là một tác phẩm văn học Phật giáo vô cùng quan trọng trong lịch sử văn học Việt Nam, đóng vai trò vô cùng to lớn trong việc định hình và phát triển tư tưởng Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo thời đại nhà Trần nói riêng. Tác phẩm góp phần xây dựng nền tảng tư tưởng, trở thành một bản kinh Phật giáo quan trọng cho Phật giáo Việt Nam, được nhiều học giả, hành giả đời sau nghiên cứu, tham khảo và ứng dụng tu tập. Bên cạnh đó, Khóa hư lục còn góp phần nâng cao vị thế cho Phật giáo nước nhà, bởi đây là một tác phẩm Phật học

được người lãnh đạo tối cao của một nước viết nên, phần nào nâng cao vị thế của Phật giáo trong xã hội, giúp cho nền giáo lý Phật-đà dễ dàng phổ biến rộng rãi, được nhiều tầng lớp xã hội quan tâm, hưởng ứng và học tập; góp phần hình thành tinh thần dân tộc, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, xây dựng xã hội hòa bình, truyền bá tư tưởng từ bi, khoan dung, bác ái; khuyến khích con người sống hòa hợp, yêu thương và đoàn kết; góp phần ổn định xã hội, tạo ra một môi trường sống an lành cho người dân.

Để rõ hơn, chúng ta cần đi sâu nghiên cứu một số tư tưởng nổi bật của vua Trần Thái Tông, cùng với phương pháp hành trì, là cơ sở lý luận nền tảng để vua Trần Nhân Tông thừa tiếp, lập nên Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Tiểu kết chương 1

Trần Thái Tông, vị hoàng đế khai sáng triều đại nhà Trần, là một nhà Phật học uyên thâm. Cuộc đời và hành trạng của ngài đủ minh chứng cho sự tài ba, đức độ và trí tuệ của một bậc minh quân; đồng thời, thể hiện rõ nét tư tưởng từ bi, hỷ xả, tự tại, giải thoát của một hành giả ngộ thiền. Mặc dù Hoàng đế Thái Tông đã đi về cõi tịch nhiên, nhưng ngài còn để lại cho đời một kho tàng tri thức vô giá. Toàn bộ các trước tác của vua Trần Thái Tông là tinh hoa trí tuệ, kinh nghiệm thực hành giáo pháp quý báu.

Trong số các tác phẩm còn lưu lại, Khóa hư lục là một trong những trước tác quý hiếm, thể hiện trọn vẹn tư tưởng thiền học, tư tưởng giải thoát, trình bày rõ phương pháp hành trì đi đến giác ngộ, đặt nền tảng căn bản cho tư tưởng Phật giáo Việt Nam và sự hình thành tư tưởng thiền học cho Thiền phái Trúc Lâm về sau. Khóa hư lục không chỉ là một tác phẩm văn học có giá trị tu tập, giá trị lịch sử mà còn là một di sản văn hóa vô cùng quý báu của dân tộc Việt Nam; giúp phát huy lòng tự tôn dân tộc, hướng dẫn mọi người gầy dựng một tinh thần sống lạc quan, tốt đẹp; đẩy mạnh tinh thần tự lực, tự cường, xây dựng một xã hội văn minh, quốc gia đoàn kết, hòa bình và vững mạnh.

Quan trọng hơn hết, sự từ bi, đức độ, trí tuệ và giải thoát của vua Trần Thái Tông được khắc họa rõ nét qua ba hình ảnh: con người hiện thực, con người hướng thượng và con người nhập thế. Ba hình ảnh này có thể xem như tấm gương đa chiều, phản chiếu một cách toàn diện về con người của một bậc minh quân sáng đạo. Cụ thể, con người hiện thực: trình bày về cuộc đời và sự nghiệp chính trị của một nhân vật có thật trong lịch sử nước Việt, vua Trần Thái Tông - người dựng lập vương triều, lãnh đạo toàn dân đẩy lùi quân xâm lược, thành tựu trên lĩnh vực chính trị và văn hóa. Con người hướng thượng: nêu lên khát vọng giác ngộ của vị đế vương; khát vọng ấy được thể hiện qua những hành động cụ

thể như: trốn hoàng thành vào núi Yên Tử để tìm đạo, vâng lời Quốc sư Phù Vân tranh thủ thời gian nghiên tầm kinh điển, vừa làm vua vừa tu hành, thực hành sám hối tội lỗi của sáu căn và tu tập thiền định, sáng lại bản tâm khi đọc kinh Kim Cang. Con người nhập thế: được thể hiện qua việc vận dụng Phật pháp vào việc trị quốc an dân.

Tóm lại, tác phẩm Khóa hư lục là hiện thân của vua Trần Thái Tông, là minh chứng tiêu biểu cho quan điểm, tư tưởng và triết lý thiền học của ngài; phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa đạo và đời, nêu lên tinh thần nhập thế vô nhiễm, siêu thoát. Khóa hư lục không chỉ thể hiện sự uyên thâm về Phật học của ngài, mà còn lưu lại cho đời nhiều bài học sâu sắc về nhân sinh và vũ trụ, hướng con người đến sự giác ngộ, thành tựu sức định tĩnh, an lạc, tiêu sái trong hiện đời.

Trích sách: **Khóa Hư Lục trong Mạch Thiền Trúc Lâm**
Tác giả: **Thích Đạt Ma Thiền Tuệ Thanh**

(còn tiếp...)

***

Chú thích:

(1). Hòa thượng Tôn sư Trúc Lâm, tức Hòa thượng thượng Thanh hạ Từ sinh ngày 24 tháng 07 năm Giáp Tý (1924), húy là Trần Hữu Phước, sau đổi lại là Trần Thanh Từ, làng Tích Thiện, huyện Cầu Kè, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long).

(2). Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Thái Tông. Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2004, tr. 27-28.

(3). Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Thái Tông. Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2004, tr. 75-76.

(4). Phạm Đức Anh, Mô hình tổ chức nhà nước ở Việt Nam thế kỷ X-XIX. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023, tr. 41.

(5). Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú thích và khảo chứng, Đại Việt sử ký toàn thư (tái bản). Hồng Đức, Hà Nội, 2022, tr. 411.

(6). Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2022, tr. 13,“Đạo Phật truyền vào Việt Nam khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch”.

(7). Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú thích và khảo chứng, Đại Việt sử ký toàn thư (tái bản). Hồng Đức, Hà Nội, 2022, tr. 347.

(8). Theo Kỷ yếu Hội thảo Thiền sư Pháp Loa: sự nghiệp tu hành và dấu ấn lịch sử, Nguyễn Văn Anh, “Quỳnh Lâm – trung tâm Phật giáo thời Lý, Trần, Lê”, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021.

(9). Nguyễn Tài Thư (chủ biên) - Minh Chi - Lý Kim Hoa - Hà Thúc Minh - Hà Văn Tấn (Viện Triết học), Lịch sử Phật giáo Việt Nam. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2022, tr. 232.

(10). Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2022, tr. 269.
(11) Nguyễn Thị Phương: “Quang Khánh thiền tự - Từ tự sự Tôn giáo”, Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Thủ đô Hà Nội), số 38 (3/2020), 33.
(12). HT. Thích Thanh Từ, Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục giảng giải. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020, tr. 61.
(13). HT. Thích Thanh Từ, Thiền sư Việt Nam. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018, tr. 297.
(14). Sđd, tr. 367.
(15). Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú thích và khảo chứng, Đại Việt sử ký toàn thư (tái bản). Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2022, tr. 327.
(16). Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú thích và khảo chứng, Đại Việt sử ký toàn thư (tái bản). Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2022, tr. 329.
(17). HT. Thích Thanh Từ, Thiền sư Việt Nam. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018, tr. 239.
(18). Sđd, tr. 240.
(19). 陳太宗御製課虛上卷:□ 山本無佛,惟存乎心□ 心寂而知是名真佛□□ . 慧光書院影印, 2018, p. 25a.
(20). Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Thái Tông. Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2004, tr. 85-86.
(21). Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Thái Tông. Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2004, tr. 38.
(22). HT. Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2008, tr. 254.
(23). Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Thái Tông. Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2004, tr. 373.
(24). Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam (tái bản có bổ sung), tập III. Nxb. Đồng Nai, 2023, tr. 635.
(26). HT. Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2008, tr. 18.
(27). Lê Mạnh Thát cho biết: “Bản in năm Quý Mùi được thực hiện tại chùa An Ninh của huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trong đợt đi điền giả năm 2017, chúng tôi đã đến trực tiếp thăm viếng chùa này, rất may mắn, thầy trú trì đã niềm nở đón tiếp và cho chúng tôi xem bản gỗ khắc in của lần in năm Quý Mùi ấy. Thầy cũng cho biết có một số tấm bị hư và thiếu, đang cho khắc lại bổ sung. Bản in này sau đó đã được Tổng hội Phật giáo Bắc kỳ hợp tác với trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp sử dụng để in lại trong bộ ‘Việt Nam Phật điển tùng san’ xuất bản vào năm 1943 ở Hà Nội. Từ đó, truyền bản hai quyển mới được phổ biến rộng rãi”. Lịch sử Phật giáo Việt Nam (tái bản có bổ sung), tập III. Nxb. Đồng Nai, 2023, tr. 689.
(28). Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Thái Tông. Tổng hợp TP. HCM, 2004, tr. 322.

(29). Thiều Chửu diễn nghĩa, Thái Tôn Hoàng đế ngự chế Khóa hư kinh. Nxb Hưng Long, SaiGon, 1961. Thư viện Huệ Quang ảnh ấn, 2016, tr. 12.
(30). Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2022, tr. 190.
(31). 罗竹风 (主编), 漢語大詞典, 上册 [言□ 雨], 第十一卷: □ 課-21. 用同 嗑□. 汉语大词典出版社, 1986, p. 277.
(32)(課 虛)錄: Kết cấu Khóa hư lục là một cụm danh từ chính phụ.
(33).□ 法華經大窾□ 卷 2 □□ 吾四十九年住世□ 未曾說一字□□ . CBETA 2024.R2, X31, no. 614, p. 720b15-16 // R50, p. 133a13-14 // Z 1:50, p. 67a13-14.
(34). HT. Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải. Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2008, tr. 12.
(35). HT. Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải. Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2008, tr. 103.
(36). Sđd, tr. 106.
(37). HT. Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải. Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2008, tr. 586.